

Thới Bình, ngày 19 tháng 3 năm 2021

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng thuế và lệ phí Tòa án;

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau.

[1] Về hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang vào ngày 19 tháng 8 năm 2005. Thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, gia đình hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Do cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị N và anh T thống nhất thỏa thuận ly hôn và yêu cầu Tòa án chấp nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N và anh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11/3/2021, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Thu N và anh Nguyễn Chí T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị N và anh T thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 28/6/2006 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không cấp dưỡng nuôi con. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị N và anh T mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng. Ngày 11/3/2021 chị N và anh T mỗi người có dự nộp 150.000 đồng theo biên lai số 0011557 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình nay được đối trừ .

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- UBND xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang,
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Huỳnh Phạm Lan Chi